TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **119**/2024/HS-ST
Ngày 13 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Anh Tuấn

2. Bà Trần Thị Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Hoàng Thiện Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L; sinh năm 1989, tại Thành phố H; nơi cư trú: Số F Hồ T, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L1 và bà Võ Ngọc Đ; có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm: 1973; nơi cư trú: C, Ấp E, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm: 1972; nơi cư trú: H P, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm: 1967; nơi cư trú: H P, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Ông Võ Hồng A1, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Số H Hồ T, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng cuối năm 2022 đến ngày 17/7/2023, Nguyễn Thanh L cho người khác vay tiền với lãi suất từ 10% đến 20%/tháng (tương đương 120%/năm đến 240%/năm), hình thức vay lãi đứng, người vay sẽ đóng tiền lãi theo tháng đến khi có tiền trả hết vốn vay ban đầu thì chấm dứt đóng tiền lãi cho L. Khi L cho người khác vay tiền thì không có làm hợp đồng vay và không thế chấp tài sản. Hàng tháng, người vay đến gặp L tại quán phở trên đường L, Phường D, Quận H để đóng lãi. Ngày 17/7/2023, khi L đang điều khiển xe mô tô biển số: 59H1 - 929.10 đến trước số B Lô C P, Phường D, Quận H thì bị Tổ tuần tra 363 Công an Thành phố H kiểm tra. Qua kiểm tra, Công an phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax. Kiểm tra bên trong điện thoại di động trên, Công an phát hiện L có dấu hiệu thực hiện hành vi cho vay lãi nặng và ghi số đề nên đưa về Công an Quận 8 để làm rõ.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã mời làm việc đối với những người vay tiền của Nguyễn Thanh L, cụ thể như sau:

1. Người thứ nhất: Bà Nguyễn Thị Kim L2 vay của L 02 dây lãi đứng gồm:

- Dây thứ nhất: Ngày 05/01/2022, bà L2 vay của L số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng, mỗi tháng đóng lãi là 1.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Ngày 20/01/2022, bà L2 tiếp tục vay của L số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng, mỗi tháng đóng lãi là 1.000.000 đồng.

Cả 02 dây nợ trên bà L2 chỉ đóng lãi đứng cho L được 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng (sau đó bà L2 bỏ trốn do không có khả năng đóng lãi). Đến tháng 01/2023, bà L2 trả tiền vay gốc cho L. Hiện bà L2 không còn nợ tiền của L. Tổng số tiền L thu lợi từ bà L2 là 2.000.000 đồng, sau khi trừ phần tiền lãi theo quy định cho phép thu là 166.667 đồng (khoảng 1,67%/tháng) thì L thu lợi bất chính từ bà L2 là 1.833.333 đồng.

2. Người thứ hai: Ngày 13/5/2023, bà Nguyễn Kim H vay của L số tiền 5.000.000 đồng với hình thức vay đứng, lãi suất 20%/tháng, mỗi tháng đóng lãi là 1.000.000 đồng. Bà H đóng lãi đứng cho L được 02 tháng (từ tháng 5/2023 đến tháng 7/2023) số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Hiện bà H đã trả hết tiền gốc không còn nợ tiền của L. Tổng số tiền L thu lợi từ bà H là 2.000.000 đồng, sau khi trừ phần tiền lãi theo quy định cho phép thu là 166.667 đồng (khoảng 1,67%/tháng) thì L thu lợi bất chính từ bà H là 1.833.333 đồng.

3. Người thứ ba: Ngày 10/7/2023, ông Nguyễn Thanh H1 vay của L số tiền 10.000.000 đồng với hình thức vay đứng, lãi suất 20%/tháng, mỗi tháng đóng lãi là 2.000.000 đồng. Ông H1 chưa đóng lãi lần nào cho L thì L bị khám xét và điều tra. Ông H1 đã trả tiền vay gốc cho L, hiện ông H1 không còn nợ tiền của L.

4. Người thứ tư: Ngày 29/9/2022, ông Võ Hồng A1 vay của L số tiền 50.000.000 đồng với hình thức vay đứng, lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng đóng lãi là 5.000.000 đồng. Ông A1 đóng lãi đứng cho L được 10 tháng (từ tháng 9/2022 đến tháng 6/2023) số tiền lãi là 50.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền L thu lợi từ ông A1 là 50.000.000 đồng, sau khi trừ phần tiền lãi theo quy định cho phép thu là 8.333.333 đồng (khoảng 1,67%/tháng) thì L thu lợi bất chính từ ông A1 là 41.666.667 đồng.

Ngoài ra, ông A1 còn tự liên hệ vay của N mập (bạn của L, không rõ lai lịch) số tiền 20.000.000 đồng, với hình thức vay đứng, lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng ông A1 đóng lãi cho N mập 2.000.000 đồng và nhờ Luân chuyển đưa cho N mập.

Tại Cơ quan điều tra, L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai của L phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) và các tài liệu, chứng cứ thu thập được. Tổng số tiền L thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng của 04 người vay tiền nêu trên là 45.333.333 đồng.

Ngoài những người vay tiền nêu trên, L còn cho một số người khác vay tiền đứng (không còn cư trú, không rõ ở đâu nên chưa có lời khai) và không rõ lai lịch, cụ thể như sau:

1. Người thứ nhất: Ngày 13/11/2022, anh Trương Thành N1 vay của L số tiền 20.000.000 đồng với hình thức vay đứng, lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng đóng lãi là 2.000.000 đồng. Anh N1 đóng lãi đứng cho L được 09 tháng (từ tháng 11/2022 đến tháng 7/2023) số tiền lãi là 18.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền L thu lợi từ anh N1 là 18.000.000 đồng, sau khi trừ phần tiền lãi theo quy định cho phép thu là 3.000.000 đồng (khoảng 1,67%/tháng) thì L thu lợi bất chính từ anh N1 là 15.000.000 đồng. Công an xác minh hiện nay anh Trương Thành N1 không còn cư trú ở địa phương, không rõ ở đâu nên chưa có lời khai.

2. Người thứ hai: Ngày 01/02/2023, anh Đ1 (không rõ lai lịch) vay của L số tiền 9.000.000 đồng với hình thức vay đứng, lãi suất 20%/tháng, mỗi tháng đóng lãi là 1.800.000 đồng. Anh Đ1 đóng lãi đứng cho L được 05 tháng (từ tháng 02/2023 đến tháng 07/2023) số tiền lãi là 9.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền L thu lợi từ anh Đ1 là 9.000.000 đồng, sau khi trừ phần tiền lãi theo quy định cho phép thu là 750.000 đồng (khoảng 1,67%/tháng) thì L thu lợi bất chính từ anh Đ1 là 8.250.000 đồng.

3. Người thứ ba: Ngày 06/5/2023, anh T (không rõ lai lịch) vay của L số tiền 9.600.000 đồng với hình thức vay đứng, lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng đóng lãi là 960.000 đồng. Anh T đã đóng lãi đứng cho L được 01 tháng với số tiền 960.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền L thu lợi từ anh T là 960.000 đồng, sau khi trừ phần tiền lãi theo quy định cho phép thu là 160.000 đồng (khoảng 1,67%/tháng) thì L thu lợi bất chính từ anh T là 800.000 đồng.

3. Người thứ tư: Ngày 05/12/2022, anh C (không rõ lai lịch) vay của L số tiền 12.000.000 đồng với hình thức vay đứng, lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng anh C đóng lãi cho L 1.200.000 đồng. Anh C đóng lãi cho L được 03 tháng (từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2023) số tiền lãi là 3.600.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Tổng số tiền L thu lợi từ anh C là 3.600.000 đồng, sau khi trừ phần tiền lãi theo quy định cho phép thu là 600.000 đồng (khoảng 1,67%/tháng) thì L thu lợi bất chính từ anh C là 3.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, L thừa nhận các nội dung tài liệu, chứng cứ thu giữ bên trong điện thoại của L là từ hành vi cho vay lại nặng. Tổng số tiền L thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng của 04 người vay tiền nêu trên là 27.050.000 đồng.

Ngoài hành vi cho vay lãi nặng, L còn thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua số đề được thua bằng tiền giúp cho 04 người đàn ông không rõ lai lịch tên B, H2, Ú và Ơ rồi giao cho các nam thanh niên quen ngoài xã hội có tên facebook là "N", “Nguyễn Bảo”, “Trần Ngọc T1” (không rõ lai lịch) cụ thể như sau:

1. Lần thứ nhất: Vào ngày 24/6/2020, các ông B, H2, Ú và Ơ mua đề số 08, 78 với tổng số tiền là 544.000 đồng và L gửi cho "Nguyễn V" kết quả không trúng và L thu tiền các ông trên gửi cho V. L không hưởng lợi.

2. Lần thứ hai: Vào ngày 10/7/2023, các ông B, H2, Ú và Ơ mua đề số 65 với tổng số tiền là 3.600.000 đồng và L gửi cho "Trần Ngọc T1" kết quả trúng con số 65 với số tiền 7.500.000 đồng, sau khi trừ tiền mua số đề 3.600.000 đồng nên T1 bù lại 4.140.000 đồng và L đã đưa số tiền trên cho Ba, H2, Ú và Ơ nêu trên. L không hưởng lợi.

3. Lần thứ ba: Vào ngày 17/7/2023, các ông B, H2, Ú và Ơ mua đề số 476 và 467 đài miền N với số tiền 2.048.000 đồng và con số 59-43-10 đài miền B với số tiền 1.296.000 đồng. Tổng số tiền 02 lần mua số đề trên là 3.344.000 đồng. L gửi cho "Nguyễn Bảo" kết quả không trúng và L thu tiền các ông trên gửi cho Nguyễn Bảo . L không hưởng lợi.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q Luân trình bày: Khi mua số đề giùm thì các ông B; H2; Ú và Ơ cùng hùn tiền lại đưa cho H2 đến gặp L tại quán phở số B đường L, Phường D, Quận H để nhờ L mua số đề giùm. Sau đó, Luân chuyển tin nhắn qua mạng xã hội Facebook cho "Nguyễn V", "Nguyễn Bảo", "Trần Ngọc T1". Số tiền thắng, thua của các đối tượng đánh bạc đều đưa trực tiếp cho L tại gần quán phở nêu trên để giao lại cho bên trúng hoặc bên thua số đề, ngoài ra L không hưởng lợi từ việc đánh bạc trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại đi động hiệu Iphone XS Max, màu gold, số IMEI 1: 357280098887513, số IMEI 2: 357280098203588, gắn sim số 0903295462.

- 01 (một) xe mô tô biển số 59H1-929.10. Qua xác minh, chiếc xe trên do Huỳnh Phượng H3 (bạn gái L) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 17/7/2023, chị H3 cho L mượn xe trên đi công việc không biết L có hành vi cho vay lãi nặng.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-Q8 ngày 07/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh L. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt tiền bị cáo từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và tiền thu lợi bất chính, tiền dùng vào việc phạm tội: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc cho vay và thu tiền lãi. Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền lãi bị cáo thực tế đã thu tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự; đối với số tiền gốc mà người vay còn nợ bị cáo thì buộc người vay nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật mà bị cáo đã nhận từ những người vay tiền của bị cáo thì buộc bị cáo phải trả lại cho người vay theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân nhằm thu lợi bất chính là số tiền lãi từ việc cho vay, từ khoảng cuối năm 2022 đến ngày 17/7/2023, bị cáo Nguyễn Thanh L đã cho nhiều người vay tiền và áp dụng mức lãi suất cao hơn gấp nhiều lần quy định của pháp luật về giao dịch dân sự.

Cụ thể: Bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Kim H, ông Nguyễn Thanh H1 vay tiền với mức lãi suất là 20%/tháng; bị cáo đã cho ông Võ Hồng A1 vay tiền với mức lãi suất là 10%/tháng. Qua đó, số tiền lãi thực tế mà bị cáo đã thu từ 04 người vay lần lượt là 2.000.000 đồng + 2.000.000 đồng + 0 đồng + 50.000.000 đồng = 54.000.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo đã cho anh Trương Thành N1 (hiện xác minh không còn cư trú, không rõ ở đâu nên chưa có lời khai), anh C (không rõ lai lịch nhà ở gần Khu Dân Cư Đ, Nguyễn Văn L3) và anh T (không rõ lai lịch) vay tiền với mức lãi suất là 10%/tháng; bị cáo đã cho anh Đ1 (không rõ lai lịch nhà ở hẻm N) vay tiền với mức lãi suất là 20%/tháng. Qua đó, số tiền lãi thực tế mà bị cáo khai đã thu từ các người vay lần lượt là 18.000.000 đồng + 3.600.000 đồng + 9.000.000 đồng + 960.000 đồng = 31.560.000 đồng.

[3] Việc vay mượn tiền giữa cá nhân với cá nhân được pháp luật quy định là giao dịch dân sự, chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự.

Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về lãi suất trong giao dịch dân sự như sau:

"*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác…

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

…"

Đối chiếu quy định nêu trên, lãi suất trong giao dịch vay mượn tiền là do các bên thỏa thuận và không được vượt quá 20%/năm, tương đương không quá 1,67%/tháng.

Bị cáo L cho vay tiền với mức lãi suất là 10%/tháng, tương đương 120%/năm là cao hơn gấp 6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp bị cáo cho vay với mức lãi suất là 20%/tháng, tương đương 240%/năm là cao hơn gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" như sau:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Theo đó, căn cứ quy định của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất cao nhất mà các bên có thể thỏa thuận là 20%/năm, tương đương 1,67%/tháng. Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị cáo có thể thu từ người vay theo mức lãi suất 1,67%/tháng là:

- Khoản lãi của chị L2: 10.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 01 tháng = 166.666 đồng.

- Khoản lãi của chị H: 5.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 02 tháng = 166.666 đồng.

- Khoản lãi của ông A1: 50.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 10 tháng = 8.333.333 đồng.

- Khoản lãi của anh N1: 20.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 09 tháng = 3.000.000 đồng.

- Khoản lãi của anh Đ1: 9.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 05 tháng = 750.000 đồng.

- Khoản lãi của anh C: 12.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 03 tháng = 600.000 đồng.

- Khoản lãi của anh T: 9.600.000 đồng x 1,67%/tháng x 01 tháng = 160.000 đồng.

Theo hồ sơ vụ án, ngoài lời khai của bị cáo ra thì có lời khai xác nhận của các người vay gồm bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Kim H, ông Võ Hồng A1, anh Nguyễn Thanh H1. Còn các người vay còn lại anh Trương Thành N1 hiện xác minh không còn cư trú, không rõ ở đâu, anh C, anh Đ1, anh T không rõ lai lịch nên chưa có lời khai xác nhận và không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cũng như không có căn cứ để xác định số tiền cho vay, lãi suất cho vay và số tiền lãi thu được như bị cáo khai.

Như vậy, số tiền lãi bị cáo thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, mà có lời khai xác nhận của các người vay bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Kim H, ông Võ Hồng A1, anh Nguyễn Thanh H1 là:

54.000.000 đồng (tổng lãi thực thu) - 8.666.666 đồng (lãi theo quy định) = 45.333.333 đồng.

Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì số tiền 45.333.333 đồng này được xác định là tiền bị cáo thu lợi bất chính, là căn cứ để định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo.

[5] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của người khác. Bị cáo đã cho người khác vay tiền với mức lãi suất gấp 6 lần đến 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 45.333.333 đồng, thuộc trường hợp "*thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng*". Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh L đã đủ yếu tố cấu thành tội "***Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự***", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Xét bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong thời gian dài, đối với nhiều người, do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn đối với bị cáo là hình phạt cải tạo không giam giữ, đây là hình phạt nghiêm khắc nhất của khung hình phạt quy định áp dụng cho bị cáo trong lần phạm tội này.

Tuy nhiên, bị cáo phạm tội do động cơ vụ lợi cá nhân là số tiền lãi từ việc cho vay, lấy đồng tiền làm mục đích phạm tội nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- 01 (một) xe mô tô biển số 59H1-929.10. Qua xác minh, chiếc xe trên do Huỳnh Phượng H3 (bạn gái L) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 17/7/2023, chị H3 cho L mượn xe trên đi công việc không biết L có hành vi cho vay lãi nặng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị H3, đồng thời chị H3 không có ý kiến, yêu cầu gì đối với việc tạm giữ, xử lý vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 (một) điện thoại đi động hiệu Iphone XS Max tạm giữ của bị cáo, xét bị cáo dùng làm phương tiện để liên lạc với người vay thực hiện hành vi cho vay tiền và thu tiền lãi hàng tháng nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền 75.000.000 đồng là số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay (trong đó bị cáo cho bà L2 vay 10.000.000 đồng, cho bà H vay 5.000.000 đồng, cho ông A1 vay 50.000.000 đồng, cho anh H1 vay 10.000.000 đồng), là phương tiện phạm tội nên cần buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Cụ thể: buộc bị cáo nộp lại số tiền 25.000.000 đồng, riêng đối với số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng ông A1 vay và chưa trả cho bị cáo thì cần buộc ông A1 phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền 8.666.667 đồng là tiền lãi bị cáo thực tế đã thu tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (trong đó, bị cáo đã thu của bà L2 166.667 đồng, thu của bà

H 166.667 đồng, thu của ông A1 8.333.333 đồng), xét đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo phải nộp lại 8.666.667 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền 45.333.333 đồng là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu của người vay vượt mức quy định của pháp luật, nên cần buộc bị cáo nộp lại để trả lại cho người vay. Cụ thể, trả lại cho bà L2 số tiền 1.833.333 đồng; trả lại cho bà H số tiền 1.833.333 đồng và trả cho ông A1 số tiền 41.666.667 đồng.

[9] Đối với hành vi đánh bạc của L do chỉ có lời khai của L và hành vi của đối tượng "Nhựt mập" có hành vi cho ông A1 vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 10%/tháng, nhưng chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra làm rõ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn cho bị cáo Nguyễn Thanh L việc khấu trừ một phần thu nhập để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh L cho Ủy ban nhân dân Phường D, Quận H, Thành phố H và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh L số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại đi động hiệu Iphone XS Max, màu gold, số IMEI 1: 357280098887513, số IMEI 2: 357280098203588, gắn sim số 0903295462.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/3/2024)

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L nộp lại số tiền 33.666.667 (ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc ông Võ Hồng A1 nộp lại số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L nộp lại số tiền 1.833.333 (một triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng để trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L2.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L nộp lại số tiền 1.833.333 (một triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng để lại trả lại cho bà Nguyễn Kim H.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L nộp lại số tiền 41.666.667 (bốn mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng để trả lại cho ông Võ Hồng A1.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP.HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THAHS CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53.
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phúc